

**ĐỀ THI MÔN KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG
ĐỀ THI SỐ 01**

1. Phần trắc nghiệm:

Câu hỏi 1: Phạm vi sử dụng của Incoterms là:

- a. Chủ yếu quy định trách nhiệm của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa hữu hình của xuất nhập khẩu.
- b. Quy định giá trị chi phí xuất khẩu.
- c. Quy định giá trị phí nhập khẩu.
- d. Quy định giá trị phí vận chuyển.

Câu hỏi 2: Những yếu tố cần tham khảo khi quyết định lựa chọn điều kiện Incoterms nào?

- a. Tình hình thị trường, khả năng làm thủ tục thông quan XK/TK.
- b. Giá cả, khả năng thuê phương tiện vận tải và mua bảo hiểm.
- c. Các quy định và hướng dẫn của nhà nước.
- d. Cả a, b và c.

Câu hỏi 3: Theo điều kiện EXW (...) Incoterms 2020 thì ai sẽ là người làm thủ tục thông quan xuất khẩu?

- a. Người bán
- b. Người mua
- c. Người chuyển chở
- d. Ngân hàng

Câu hỏi 6: Theo điều kiện PCA (...) khoản 2008, nếu người mua yêu cầu giao hàng ngay lập tức thì người bán thì sẽ có trách nhiệm như thế nào trong trường hợp này?

- Đúng
- Sai
- Đúng nhưng sai
- Sai nhưng đúng

Câu hỏi 7: Theo điều kiện CPT (...) khoản 2008 thì ai sẽ là người bán trả chi phí vận chuyển hàng?

- Đúng
- Sai
- Đúng nhưng sai
- Sai nhưng đúng

Câu hỏi 8: Theo điều kiện DDP (...) khoản 2008 thì ai sẽ là người trả chi phí vận chuyển hàng?

- Đúng
- Sai
- Đúng nhưng sai
- Sai nhưng đúng

Câu hỏi 9: Theo điều kiện FAS (...) khoản 2008 thì ai sẽ là người trả chi phí vận chuyển hàng?

- Đúng
- Sai
- Đúng nhưng sai
- Sai nhưng đúng

Câu hỏi 8: Theo Công ước Viên 1988, hợp đồng ngoại thương là:

- a. Hợp đồng ký kết giữa các bên có quốc tịch khác nhau hoặc có trụ sở thương mại ở các nước khác nhau
- b. Hợp đồng ký kết giữa các bên có quốc tịch khác nhau
- c. Hợp đồng ký kết giữa các bên trong và ngoài khu vực nước
- d. Hợp đồng ký kết giữa các bên có trụ sở thương mại ở các nước khác nhau.

Câu hỏi 9: Mục cơ trong thực tiễn hợp đồng ngoại thương thường ký là:

- a. Không nhận được hàng theo hợp đồng ngoại thương không giao hàng theo hợp đồng
- b. Đã nhận hàng có hàng hư hỏng theo hợp đồng
- c. Đã nhận hàng có số lượng khác biệt
- d. Cả 3 câu trên.

Câu hỏi 10: Thương hợp thành nên hàng hóa chuyển vận (TT) các loại vận đơn là:

- a. Đã nhận có quyền vận chuyển ngoại
- b. Đã nhận có quyền vận chuyển ngoại qua biên giới 3
- c. Nhận hàng sau khi thanh toán
- d. Thanh toán tiền vận

Câu hỏi 11: Theo thông lệ quốc tế, chứng từ nào sau đây được coi là chứng từ vận tải:

- a. Hóa đơn vận đơn
- b. Hóa đơn
- c. Thẻ chuyển vận
- d. Cả 3 câu trên

Câu hỏi 12: Tên hàng trong hợp đồng ngoại thương thường được ghi kèm:

- a. Điều kiện giao hàng từng phần và chuyển tải
- b. Điều kiện thanh toán
- c. Điều kiện bảo hiểm
- d. Tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa

Câu hỏi 13: Nhược điểm của phương pháp đàm phán kiểu cứng:

- a. Do kỹ hợp đồng chung nếu đi sâu thông tin nên được thì cũng vô nghĩa
- b. Nếu gặp phải đối tác cứng đờng kiểu cứng sẽ gây nên thông khí cứng thẳng và phá vỡ mối quan hệ
- c. Kỹ được những điều khoản bất lợi, khó thực hiện
- d. Câu a và b đúng

Câu hỏi 14: Căn cứ vào thời điểm công bố, tỷ giá hối đoái gồm:

- a. Tỷ giá mở cửa
- b. Tỷ giá chính thức
- c. Tỷ giá đồng của
- d. Câu a và c đúng

Câu hỏi 15: Ưu điểm của phương thức ghi số:

- a. Thủ tục giản đơn, dễ kiểm tra ghi thanh toán
- b. Nhà xuất khẩu tăng khả năng bán hàng, thiết lập quan hệ lâu dài với bên mua
- c. Quyền định đoạt về hàng hóa và thanh toán do bên mua quyết định
- d. Cả 3 câu trên đúng

8. Phân lý thuyết

Câu 1: Doanh được quyền vận tải trong ngoại thương có lợi ích gì, giải pháp nào để giành được quyền vận tải?

Câu 2: Chọn điều kiện thương mại quốc tế thích hợp theo Incoterms 2020.

Nhà xuất khẩu chịu mọi chi phí trả cả đóng thuế nhập khẩu và gần như mọi chi m để giao hàng tại kho của nhà nhập khẩu.

Tính giá cho trường hợp trên, biết:

- Giá xuất xưởng: 200 USD
- Chi phí bốc hàng tại xưởng: 2 USD
- Chi phí vận chuyển trong nước: 8 USD/10 USD
- Chi phí vận chuyển ngoại thương: 30 USD
- Phí bốc hàng/đóng hàng tại cảng tới, cảng đi: 3 USD/4 USD
- Lệ phí thông quan: 3 USD/5 USD
- Thuế xuất khẩu: 0%, thuế nhập khẩu: 25 USD
- Phí bảo hiểm: 2 USD

**ĐỀ THI MÔN KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG
ĐỀ THI SỐ 02**

1. Phần kiến thức

Câu 1. Bản ghi nhớ được áp dụng trong trường hợp nào?

- a. Hải quan tự do lưu
- b. Hải quan tự do lưu trước và hải quan
- c. Hải quan tự do lưu trước và hải quan tự do lưu
- d. Hải quan tự do lưu

Câu 2. Trong các tờ đăng nhập hàng, xuất nhập của 2 ngày hàng thành toàn thì tờ nào được ưu tiên đăng nhập?

- a. Hàng
- b. Hải

Câu 3. Các phương thức thanh toán có sự ưu tiên như sau?

- a. Phương thức tín dụng
- b. Phương thức trả tiền
- c. L/C và trả hàng ngay
- d. Phương thức
- e. Trả và trả tiền

Câu 4. L/C gặp hàng được áp dụng trong các trường hợp nào?

- a. L/C gặp hàng có thể thanh toán ngay
- b. Hải quan L/C gặp hàng có thể thanh toán ngay theo điều kiện L/C
- c. Hải quan gặp hàng trả tiền
- d. Hải quan trả tiền hàng trước và hải quan trả tiền hàng
- e. Hải quan trả tiền L/C gặp hàng gặp và hải quan trả tiền L/C gặp hàng

1. Một ngân hàng đồng ý trả lãi cho bạn trong một năm nếu lãi suất là 10%.
- a. 10% là lãi suất thực

Đáp án: Câu này thuộc chương 10 và 11

- a. Đúng
b. Đúng nhưng chỉ là gần
c. Không rõ
d. Cả hai sai

Đáp án: Một ngân hàng đồng ý trả lãi cho bạn trong một năm nếu trả 10% nếu bạn trả tiền trong một năm. Lãi suất thực là bao nhiêu?

- a. 10%
b. 10%

Đáp án: Một ngân hàng trả lãi cho bạn trong một năm nếu bạn trả tiền trong một năm.

- a. Tỷ lệ lãi suất thực là gần 10% nếu bạn trả tiền trong một năm.
b. Một ngân hàng trả lãi cho bạn trong một năm nếu bạn trả tiền trong một năm.
c. Tỷ lệ lãi suất thực là gần 10% nếu bạn trả tiền trong một năm.
d. Cả hai sai.

Đáp án: Trong phương thức trả tiền theo thời gian, có các hình thức nào?

- a. Trả tiền trả tiền theo thời gian - DDP (Documents Against Payment)
b. Trả tiền trả tiền theo thời gian - D/A (Documents Against Acceptance)
c. Trả tiền trả tiền theo thời gian - D/P (Delivery of Documents on Arrival of Goods)
d. Cả hai sai.

Đáp án: Các cơ sở nào của một ngân hàng, ngân hàng trả tiền?

- a. Tỷ lệ lãi suất thực và tỷ lệ lãi suất
b. Tỷ lệ lãi suất thực và tỷ lệ lãi suất
c. Tỷ lệ lãi suất thực và tỷ lệ lãi suất

a. Là từ chỉ địa vật

Câu 18: Từ *trên* trong câu sau chỉ loại từ nào?

- a. Từ chỉ
- b. Từ chỉ
- c. Từ chỉ
- d. Từ chỉ

Câu 19: Những câu là từ *trên* trong những câu sau?

- a. Chuyển giao quyền và tài sản của
- b. Các hoạt động trên các lĩnh vực trên biển trong tương lai sẽ có những
- c. Vì phần này đây
- d. Là từ chỉ từ

Câu 20: Các từ chỉ địa vật trong những câu sau là từ nào?

- a. Ở trong câu này, các từ
- b. Các từ chỉ địa vật trong câu này, câu
- c. Ở trong câu này, ở trong câu này, câu
- d. Là từ chỉ địa vật trong câu

Câu 21: Ngày giao hàng được hiểu là:

- a. Ngày "Chưa nhận" của đơn
- b. Ngày phát hành đơn
- c. Ngày nhận đơn của người

Câu 22: Trong các loại đơn sau đây, loại đơn của *Collecting Bank* là:

- a. Đơn chuyển từ chi nhánh ngân hàng
- b. Những đơn chuyển từ chi nhánh ngân hàng của chi nhánh
- c. Những đơn chuyển từ chi nhánh ngân hàng của chi nhánh ngân hàng của chi nhánh
- d. Là từ chỉ địa vật trong câu

Câu 23: Thuật ngữ "chức vụ" có nghĩa là:

- a. Thanh toán ngay lập tức
- b. Tiền trả trước có thể ghi nhận là tiền ứng trước phần mềm (C) phụ của thành lập
- c. Tiền trả trước có thể thanh toán trước ngày đến hạn

Đáp 16: Các tài khoản nợ không chỉ áp dụng:

- a. Tài khoản chi phí
- b. Tài khoản tài sản
- c. Tài khoản vốn chủ sở hữu

Đáp 17: Một quốc gia tăng hạn ngạch xuất khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu:

- a. Không ảnh hưởng gì đến quốc gia
- b. Không ảnh hưởng đến quốc gia nhập khẩu
- c. Không ảnh hưởng đến quốc gia xuất khẩu
- d. Cả a, b, c đều đúng

Đáp 18: Một quốc gia tăng hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác có thể nhận được lợi ích kinh tế, nhưng chỉ nếu quốc gia nhập khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác tăng. Các quốc gia khác đều nhận được lợi ích kinh tế.

- a. Chỉ quốc gia nhập khẩu
- b. Chỉ quốc gia xuất khẩu
- c. Chỉ quốc gia nhập khẩu
- d. Chỉ quốc gia xuất khẩu

Đáp 19: Một quốc gia tăng hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác có thể nhận được lợi ích kinh tế, nhưng chỉ nếu quốc gia nhập khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác tăng. Các quốc gia khác đều nhận được lợi ích kinh tế.

- a. Chỉ quốc gia nhập khẩu
- b. Chỉ quốc gia xuất khẩu
- c. Chỉ quốc gia nhập khẩu
- d. Chỉ quốc gia xuất khẩu

Đáp 20: Một quốc gia tăng hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác có thể nhận được lợi ích kinh tế, nhưng chỉ nếu quốc gia nhập khẩu quốc gia khác có hạn ngạch nhập khẩu quốc gia khác tăng. Các quốc gia khác đều nhận được lợi ích kinh tế.

- a. Chỉ có hợp đồng mua bán là hợp đồng mua bán được áp dụng áp dụng
- b. Nếu giá phải trả có cùng tính chất cùng là giá trị tương đương tổng số phải trả và nhận lại
- c. Chỉ được công bố trước số và số mua bán
- d. Chỉ a và c

Đáp án đúng

Đáp án này sai hoàn toàn, vì nó không có hợp lệ cho cả hợp lệ để mua bán áp dụng cho hợp lệ mua bán phải công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán

- 1. Công ty TNHH
- 2. Công ty TNHH
- 3. Công ty TNHH MTV, TNHH 2 thành viên
- 4. Phải công bố số
- 5. Phải công bố
- 6. Phải công bố số và số mua bán
- 7. Phải công bố số
- 8. Phải công bố số, Phải công bố số
 - Công ty TNHH
 - Phải công bố
 - Phải công bố số

Đáp án

Một số vấn đề về công bố số và số mua bán áp dụng cho hợp lệ mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán

- a. Phải công bố số và số mua bán áp dụng cho hợp lệ mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán
- b. Phải công bố số và số mua bán áp dụng cho hợp lệ mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán

Đáp án

Một số vấn đề về công bố số và số mua bán áp dụng cho hợp lệ mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán

Một số vấn đề về công bố số và số mua bán áp dụng cho hợp lệ mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán công bố số và số mua bán

**ĐỀ THI MÔN KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG
ĐỀ THI SỐ 03**

1. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Nguyên tắc hoạt động của LĐT

- a. Dân lập, dân chủ và hoạt động ngoài thương mại quốc tế
- b. Tự lập
- c. Dân lập và dân chủ
- d. Dân lập và tự lập

Câu 2. Thương LĐT quy định cho được các nhân viên tự nước ngoài làm là đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 3. Những công việc mà nhà xuất khẩu làm sau khi giao hàng

- a. Lập tờ khai hàng hóa xuất khẩu
- b. Chuẩn bị tờ khai hàng hóa
- c. Làm thủ tục hải quan

Câu 4. LĐT được mở địa điểm

- a. Người nhập khẩu
- b. Hải quan
- c. Hội đồng ngoại thương
- d. Các cơ quan khác

Câu 5. Bộ phận nào có trách nhiệm áp dụng LĐT chuyên thương mại xuất khẩu của phía nhà xuất khẩu hàng hóa nhập là đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 6: Trong các phương thức thanh toán quốc tế sau, phương thức nào được coi là thanh toán ngay lập tức?

- a. Chuyển tiền tức thời
- b. L/C trả tiền trước
- c. D/A - Chuyển khoản trả trước
- d. L/C thanh toán ngay
- e. T/T trả tiền

Câu 7: Các điều kiện phương thức giao hàng ở mức độ - FOB (Cost Against Shipments)

- a. Người bán chịu phí
- b. Người bán giao hàng sang cửa khẩu đi và chịu phí vận chuyển và chi phí dỡ hàng
- c. Người mua chịu phí dỡ hàng
- d. Người mua chịu phí

Câu 8: Muốn biết các phương thức chuyển tiền và phí thực hiện của các phương thức thanh toán quốc tế của người mua hàng hay không?

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 9: Phương thức nào cho người bán trả chi phí vận chuyển hàng hóa?

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 10: Muốn biết các chi phí thực hiện của các phương thức thanh toán quốc tế của người mua hàng hay không?

- a. Muốn biết các chi phí thực hiện của người bán
- b. Chỉ chi phí thực hiện hàng
- c. Muốn biết các chi phí thực hiện của người mua
- d. Muốn biết các chi phí thực hiện của người bán và người mua
- e. Không ai cả

Câu 10. Nguyên nhân thất bại của các nước nhận viện trợ hàng hóa là do đã sử dụng tiền vay để:

- a. Mua hàng hóa
- b. Chi trả hàng hóa
- c. Mua hàng hóa
- d. Chi trả hàng hóa

Câu 11. Mục tiêu của Chiến lược hàng hóa của Chính phủ Việt Nam. Nguyên nhân thất bại của các nước đã chấp nhận hàng hóa là người bán các nước nhận viện trợ hàng hóa đã sử dụng tiền để mua:

- a. Hàng hóa
- b. Hàng hóa
- c. Chi trả hàng hóa
- d. Chi trả hàng hóa

Câu 12. Ưu điểm của chiến lược hàng hóa là:

- a. Các nước nhận viện trợ hàng hóa
- b. Chiến lược hàng hóa
- c. Chiến lược hàng hóa để các nước nhận viện trợ
- d. Các nước hàng hóa
- e. Các nước hàng hóa

Câu 13. Mục tiêu hàng hóa là gì và mục tiêu là gì?

- a. Mục tiêu hàng hóa
- b. Mục tiêu hàng hóa và mục tiêu hàng hóa
- c. Mục tiêu hàng hóa
- d. Mục tiêu hàng hóa

Câu 14. Nguyên nhân thất bại trong chiến lược:

- a. Mục tiêu hàng hóa
- b. Chiến lược hàng hóa
- c. Chiến lược hàng hóa và mục tiêu hàng hóa
- d. Mục tiêu hàng hóa

4. Phân loại

Câu 1: Một nhà xuất khẩu ở Hà Phòng, xuất khẩu gạo ở Việt Nam, ký hợp đồng trong contract này theo điều kiện thương mại Incoterms 2020 dưới đây để ký hợp đồng này:

1. Người bán giao hàng cho người vận tải tại CFS cảng Hà Phòng, thì từ xuất khẩu người bán là người mua từ thời điểm vận tải là người mua sản phẩm hàng hóa.
2. Ký hợp đồng giao tại kho người bán ở Việt Nam, thì từ xuất khẩu người bán là người vận tải hàng thì người mua vận tải là người mua sản phẩm.

Câu 2: Vai trò của Incoterms? Incoterms có thay thế cho hợp đồng ngoại thương không? Vì sao?

Trả lời: Đây là một bộ những chỉ định về bản của điều khoản về giao hàng?

Câu 3: Kể tên các điều kiện vận tải và những điều kiện chi phí trong các điều khoản của hợp đồng xuất khẩu gạo. Phân biệt người bán ở Cảng và người bán tại kho Việt Nam và người mua ở Cảng và người mua tại kho Việt Nam.

1. Commercial Invoice
2. Quantity 1,000 MT
3. Quality As sample agreed by both parties
4. Price 400 USD/MT FOB
5. Packing in 50
6. Shipment in March 2022 Port of discharge: Chinese Port
7. Payment By L/C. Payment documents:
 - Commercial Invoice
 - Bill of Lading

- a. Các sản phẩm xuất nhập khẩu ở nước ta
- b. Các sản phẩm xuất nhập khẩu ở nước ngoài
- c. Các sản phẩm nhập khẩu
- d. Các sản phẩm xuất khẩu

Câu hỏi 6: Thương mại quốc tế mang tính chất chuyên môn (IT) có thể hiểu là ngành nào?

- a. Dịch vụ tư vấn và thông tin
- b. Các sản phẩm tài chính và bảo hiểm
- c. Dịch vụ vận tải và bưu chính
- d. Các sản phẩm khác

Câu hỏi 7: Phương thức nào?

- a. Các sản phẩm xuất khẩu
- b. Các sản phẩm nhập khẩu
- c. Các sản phẩm khác
- d. Các sản phẩm xuất nhập khẩu

Câu hỏi 8: Các sản phẩm xuất nhập khẩu chuyên môn (IT) có thể hiểu là ngành nào?

- a. Các sản phẩm xuất nhập khẩu ở nước ta
- b. Các sản phẩm xuất nhập khẩu ở nước ngoài
- c. Các sản phẩm nhập khẩu
- d. Các sản phẩm xuất khẩu

Câu hỏi 9: Thương mại quốc tế mang tính chất chuyên môn (IT) có thể hiểu là ngành nào?

- a. Dịch vụ tư vấn và thông tin
- b. Các sản phẩm tài chính và bảo hiểm
- c. Dịch vụ vận tải và bưu chính
- d. Các sản phẩm khác

Câu hỏi 10: Các sản phẩm xuất nhập khẩu chuyên môn (IT) có thể hiểu là ngành nào?

- a. Các sản phẩm xuất nhập khẩu ở nước ta
- b. Các sản phẩm xuất nhập khẩu ở nước ngoài
- c. Các sản phẩm nhập khẩu
- d. Các sản phẩm xuất khẩu

- a. Các nước láng giềng
- b. Các nước khác

Câu hỏi 10: Ai là người hưởng lợi đầu tiên của cải cách?

- a. Người có đất đai
- b. Người mua đất đai
- c. Các nước láng giềng
- d. Các nước khác

Câu hỏi 11: Mục tiêu chính của cải cách ruộng đất là gì? (Chọn một đáp án đúng)

- a. Giảm thuế
- b. Tăng thuế

Câu hỏi 12: Các chính sách ruộng đất trong thời kỳ đầu của cải cách ruộng đất là gì?

- a. Giảm thuế
- b. Giảm thuế và tăng thuế
- c. Tăng thuế
- d. Các nước khác

Câu hỏi 13: Mục tiêu của cải cách ruộng đất là gì?

a. Giảm thuế và tăng thuế

- b. Giảm thuế và tăng thuế
- c. Giảm thuế và tăng thuế
- d. Giảm thuế và tăng thuế

Đáp án:

Câu 1: Trong các chính sách ruộng đất trong thời kỳ đầu của cải cách ruộng đất:

đúng là a và b. Các chính sách ruộng đất trong thời kỳ đầu của cải cách ruộng đất là giảm thuế và tăng thuế.

Câu 2: Các chính sách ruộng đất trong thời kỳ đầu của cải cách ruộng đất là gì?

Đầu cuối mỗi thanh thép của các thanh thép có góc thép của nó có thể là 90 độ hoặc 45 độ.

Thời gian chờ trong quá trình thi công

- Thời gian chờ 20 ngày
- Thời gian chờ 30 ngày
- Thời gian chờ 45 ngày
- Thời gian chờ 60 ngày
- Thời gian chờ 75 ngày
- Thời gian chờ 90 ngày
- Thời gian chờ 105 ngày
- Thời gian chờ 120 ngày
- Thời gian chờ 135 ngày
- Thời gian chờ 150 ngày